

Những nhân tố tác động từ môi trường xã hội đối với sinh viên hiện nay

NGUYỄN NGỌC TRÍ*

Trên cơ sở điều tra xã hội học¹ trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến những nhân tố tác động từ môi trường xã hội đối với sinh viên hiện nay. Từ đó, nêu một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng học tập của sinh viên.

1. Sinh viên và gia đình:

Khác với học sinh phổ thông, đa số sinh viên đều tách ra khỏi gia đình, được nới lỏng sự kiểm soát của gia đình (80% sinh viên sống nội trú). Vậy gia đình đóng vai trò gì trong cuộc sống và việc học tập của sinh viên?

Trước hết, gia đình là một trong số những nhân tố quan trọng định hướng người sinh viên chọn trường, chọn ngành học.

Kết quả điều tra xã hội học tháng 12/1990 cho thấy: sinh viên chọn trường và ngành học theo lời khuyên cha mẹ là 41,68%, chỉ sau lý do hợp khả năng sở thích. Tỷ lệ tương ứng cũng nhận thấy đối với nữ sinh viên và sinh viên có gia đình sống ở thành thị, cũng như sinh viên có cha mẹ là trí thức (50,7%), viên chức (46,55%). Trong thực tế, các gia đình công nhân, nông dân ít có điều kiện quan tâm tới con cái hơn các gia đình trí thức, viên chức; các gia đình sống ở thành thị quan tâm nhiều hơn tới con cái so với nông thôn.

Sau khi sinh viên vào trường đại học, gia đình vẫn tiếp tục chu cấp vật chất cho họ: 89,44% sinh viên có nguồn chi tiêu ngoài học bổng từ gia đình: Tuy nhiên, mức độ hỗ trợ có khó khăn hơn với các gia đình ở nông thôn, ở biên giới, gia đình ở cách xa trường con cái đang học. Mức độ hỗ trợ vật chất cho sinh viên khác nhau tùy theo điều kiện kinh tế cũng như sự quan tâm của mỗi gia đình. Có 10,56% sinh viên không nhận được sự giúp đỡ của gia đình hoặc hỗ trợ ấy quá ít ỏi, họ phải tự lúnl thêm, vay mượn. Điều đó phản ánh đời sống khó khăn chung của toàn xã hội cũng như bản thân sinh viên và gia đình họ.

Một khía cạnh khác, truyền thống gia đình thể hiện sự định hướng, kiểm soát chặt với con cái nhưng hiện tại, mức độ này không lớn. Kết quả điều tra cho thấy, chỉ có 20,56% sinh viên đã chọn ngành học với lý do theo truyền thống gia đình.

Liên hệ với ý kiến của các bậc cha mẹ sinh viên qua các cuộc điều tra những năm gần đây cho thấy những người được hỏi muốn cho con tiếp tục nghề của mình có tỷ lệ thấp.

Chẳng hạn, kết quả điều tra năm 1989 đối với giáo viên đại học ở Hà Nội², nếu so sánh hai chi tiêu định hướng nghề nghiệp cho con cái theo nghề của mình hay theo việc làm có thu nhập cao như sau:

*. Phụ trách Phòng Nghiên cứu xã hội, Bộ Nội vụ

¹. Tiến hành tháng 12/1990 với tổng số số mẫu 1.629 sinh viên 5 trường đại học ở khu vực Hà Nội: Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Sư phạm Trường Đại học Văn hóa.

². Cuộc điều tra khảo sát của Viện Nghiên cứu giáo dục đại học - giáo dục chuyên nghiệp, tiến hành tháng 12/1989 với tổng số mẫu là 300 giáo viên ở 5 trường đại học thuộc khu vực Hà Nội: Tổng hợp, Thủy lợi, Văn hóa, Sân khấu điện ảnh, Kinh tế Quốc dân.

Bảng 1: Định hướng nghề nghiệp cho con

Trường đại học	Theo nghề dạy học	Theo việc làm có thu nhập cao
- Tổng hợp (khối tự nhiên)	38,88	33,33
- Tổng hợp {khối xã hội}	6,67	33,33
- Thủy lợi	3333	16,67
- Văn hóa	4,35	43,48
- Sân khấu điện ảnh	11,76	35,29
- Kinh tế Quốc dân	13,64	50,00

Như vậy, tỷ lệ khá cao là muốn con làm những nghề khác mình đang làm, muốn tương lai con mình phải sống khá hơn về vật chất, tinh thần. Bởi vậy, định hướng giá trị tìm được việc làm có thu nhập cao đảm bảo cuộc sống của con cái, được xem như là lối thoát ra khỏi tình trạng khó khăn hiện nay

Các kết quả điều tra xã hội học cho thấy gia đình vẫn là một khâu quan trọng và cần phải được tính đến như một nhân tố có ảnh hưởng tới sản phẩm cuối cùng của quá trình đào tạo sinh viên ở trường đại học.

2. Quy chế đào tạo mới và sinh viên:

Quy chế mới thay việc đào tạo theo biên chế bằng chương trình học 2 giai đoạn, tiến hành cấp học bổng trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và chính sách xã hội của Nhà nước, đề cao vai trò chủ động của sinh viên trong học tập Tùy theo khả năng và Quĩ thời gian, sinh viên có thể kết thúc chương trình học nhanh hay chậm. Quá trình đào tạo 2 giai đoạn tạo điều kiện cho sinh viên tự điều chỉnh việc lựa chọn ngành nghề và mở ra khả năng liên kết của các trường về mặt đào tạo Tuy nhiên hiệu quả thực tế chưa nhiều. Số học sinh thi lại, điểm kém, chây lười bỏ lên lớp, quay cốp, học trung bình chủ nghĩa đang còn phổ biến.

Nhiều cán bộ giảng dạy quản lý sinh viên khi được hỏi đã nêu ý kiến: "chưa có một mức độ chính xác nào hoặc khái quát để tỏ rõ ưu thế của quy chế đào tạo mới". Nhiều ý kiến sinh viên đề nghị phải bớt những môn học chưa thiết thực, nếu đưa thêm vào môn học nào phải có đầu tư kỹ nội dung phương pháp giảng dạy, giáo trình tài liệu tham khảo. Môn học ngoại ngữ nên cho tự chọn. Thông tin khoa học kỹ thuật mới cần được thường xuyên đưa đến với sinh viên. Nâng cấp các cơ sở thực hành và tăng giờ thực hành để khi ra trường họ. Có thể sử dụng chuyên môn ngay, không bỡ ngỡ. Cụ thể, 75,59% sinh viên không thích nghe giảng và 29,5% có nhu cầu tài liệu tham khảo là một chỉ báo đáng quan tâm đối với việc giảng dạy ở các trường đại học.

Tóm lại, quy chế đào tạo mới phải làm cho sinh viên học được những kiến thức thiết thực và nâng cao khả năng làm việc sau này chứ không phải là sự thay đổi hình thức tổ chức học tập.

Mấy năm gần đây số sinh viên ở các trường đại học, nhất là địa bàn Hà Nội tăng lên nhanh chóng do việc mở rộng đầu vào, đa dạng hóa loại hình và đối tượng đào tạo Sinh viên hệ mở rộng, là những người chỉ có bằng tốt nghiệp phổ thông và đóng tiền học phí nhưng chiếm tỷ lệ xấp xỉ sinh viên hệ chính quy. Còn hệ chính quy cũng được chia làm 2 loại: chính quy đủ tiêu chuẩn vào trường, được hưởng học bổng và chính quy mở rộng, cũng phải đóng học phí. Có những trường số sinh viên mở rộng (loại đóng học phí) nhiều gấp đôi số sinh viên chính quy.

Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, năm 1989, có 800 sinh viên hệ chính quy và 1 200 sinh viên hệ mở rộng vào học năm thứ nhất. Đến năm 1990-1991, con số đó là 752 và 1.400. Khoa Kinh tế có 490 sinh viên hệ mở rộng, gấp 3 lần số sinh viên chính quy. . - Vấn đề đặt ra là việc tăng số lượng sinh viên không tương xứng với sự phát triển thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Trong khi các cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, ký túc xá...) đang xuống cấp, nhiều năm không có kinh phí sửa chữa và xây dựng mới nên dù là sinh viên chính quy cũng không thể hưởng chế độ ưu đãi về giảng đường, nơi ở, về thầy dạy. Trong khi đời sống còn nhiều khó khăn, việc nhà trường lo tổ chức sinh hoạt, học tập cho sinh viên không thể đáp ứng nguyện vọng của họ. Giảng viên phải phân chia quy thời gian, sức lực... cho nhiều lớp khác nhau. Ý nghĩa chính quy, mở rộng khi đã vào học ở trường không còn ranh giới. Khả năng cạnh tranh ngang nhau tìm một chỗ làm việc khi học xong không

còn phụ thuộc vào việc là sinh viên hệ chính quy hay thờ rộng, đã học khá, giỏi hay yếu kém.

3. Việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp là một vấn đề gay gắt đang được toàn xã hội chú ý cùng với vấn đề đời sống sinh viên ở các trường đại học nói chung.

Kết quả điều tra 1990-1991 của Chương trình thể hệ trẻ cho thấy: hiện nay sinh viên quan tâm nhiều đến việc làm, nghề nghiệp tương lai (79,3%), và đời sống kinh tế hàng ngày (71%) Đó là nguyện vọng chính đáng của thể hệ trẻ.

Cuộc điều tra sinh viên tháng 12/1990 cụ thể hóa thêm điều đó. Xem xét lý do khi vào trường và ngành, sinh viên quan tâm nhiều đến ngành để tìm việc làm (39,78%) Lý do này trội ú sinh viên thành thị: Khi xác định những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập thì "tìm việc làm sau khi tốt nghiệp" là yếu tố được sinh viên coi trọng: 43,9%. Điều này thể hiện rõ ở sinh viên học năm cuối cùng.

Việc thực hiện chủ trương đào tạo không gắn với phân công công tác là yếu tố tác động mạnh đến tâm tư, động cơ thái độ học tập của sinh viên. Gần 100% số sinh viên được hỏi cho rằng, khi tốt nghiệp muốn có công ăn việc làm là hết sức khó khăn. Nhiều sinh viên đạt kết quả xuất sắc trong học tập, khi ra trường không được sử dụng hoặc phải làm việc trái ngành nghề chuyên môn, trong khi đó sinh viên học lực yếu kém lại được chỗ làm tốt. Hiện tại chỉ có 40-50% số người có bằng đại học làm việc theo đúng chuyên môn của mình³. Những bất hợp lý đó đã góp phần làm xuất hiện tâm lý bi quan, chán nản trong sinh viên như nếp sống "ăn tranh thủ, ngủ khản trương, học bình thường, yêu đương thoải mái" cùng với nhiều hiện tượng tiêu cực khác. "Lễ tốt nghiệp ra trường đồng thời cũng là bắt đầu thất nghiệp", theo đuổi sinh viên trong quá trình hoạt động học tập. Lý do đó, cùng với tác động của nhiều yếu tố tiêu cực khác ảnh hưởng mạnh đến hoạt động học tập của sinh viên nên chất lượng đào tạo giảm sút là điều tất nhiên.

Về phương diện giáo dục, đã đến lúc phải chuẩn bị cho sinh viên một định hướng giá trị mới về việc làm trong cơ chế thị trường lao động đang hình thành. Định hướng này sẽ tác động sinh viên "học ra học", cố gắng phấn đấu có đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp theo đòi hỏi của cuộc sống.

4. Một số kết luận:

1. Hiện nay, để giải quyết những vấn đề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, người ta thường chỉ chú trọng một mặt phiến diện nào đó, hoặc chỉ nói nói không làm, hoặc chỉ đề ra những khả năng không hiện thực. Thiết nghĩ cần có một cách nhìn đầy đủ và toàn diện hơn. Cần phải thấy rằng sinh viên - chủ thể của hoạt động học tập ở đại học là *mục đích của đào tạo chứ không phải là phương tiện thực hiện mục đích đào tạo*. Điều đó thể hiện mục tiêu của chiến lược con người. Trong lĩnh vực đào tạo cần giải quyết những vấn đề đặt ra trong mối tương quan rất nhiều yếu tố của chính thể quan hệ: chủ thể học - chủ thể dạy - môi trường xã hội (nhà trường, gia đình, xã hội). Các giải pháp phải mang tính tổng thể toàn xã hội, từ hệ thống giáo dục, chính sách lao động, chính sách tiền lương, đến sự bảo vệ con người về an ninh xã hội... Sẽ không đầy đủ khi chỉ nói về chính sách đào tạo, sử dụng, đãi ngộ trong khi "đầu vào", "đầu ra" của quá trình đào tạo đang mất cân đối, hoặc chỉ hô hào giải quyết khó khăn đời sống, coi đó là bức thiết nhất, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân trong sự xuống cấp chất lượng đào tạo hiện nay.

2. Muốn có các giải pháp tổng thể hữu hiệu đối với các vấn đề của sinh viên, của quá trình đào tạo nói chung, cần coi trọng nghiên cứu khoa học về sinh viên, trong đó không thể thiếu nghiên cứu xã hội học để đánh giá khách quan về thực trạng, miêu tả, giải thích các hiện tượng của đời sống, học tập của sinh viên, cung cấp thông tin đầy đủ về tình hình thực tế của chủ thể hoạt động học tập với các lợi ích, các quan điểm, các ý kiến, các ảo tưởng, ngộ nhận, hoài bão, hy vọng đặc thù, đa dạng; những xu thế sinh viên hiện thực hóa lợi ích của họ như thế nào trong hiện tại và tương lai... Sự phân tích cần cố gắng làm nổi lên những vấn đề bức thiết và chi ra phương thức giải quyết chúng.

³. Xem: *Góp phần nghiên cứu chính sách xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1988, trang 150.

Những vấn đề bức thiết có thể thấy là:

- Sự mất cân đối "đầu vào - đầu ra" của quá trình đào tạo, không tuân theo quy luật đào tạo gắn với yêu cầu sử dụng, gây lãng phí lớn về sức người và ngân sách.

Quy luật dạy và học gắn liền với nhau, giảng dạy gắn với thực tiễn còn kém, chưa được thực hiện hiệu quả. Sinh viên còn thụ động trong hoạt động học tập. Giáo viên còn thiếu điều kiện nghiên cứu, áp dụng phương pháp giảng dạy mới. Nhà trường đại học còn lúng túng về cơ chế thực hiện quá trình dạy và học, mặc dù đã có nhiều cố gắng.

- Dạy nghề chưa gắn với dạy người, chưa thể hiện được sinh viên là mục đích của đào tạo mà có phần thấy học như là phương tiện của đào tạo. Cụ thể là:

+ Mở rộng tuyển sinh đào tạo không cân xứng với điều kiện cơ sở dạy và học.

+ Niềm tin, lý tưởng của sinh viên bị khủng hoảng. Những giá trị đạo đức cần cho hình thành nhân cách sinh viên, cho người kỹ sư ra trường chưa được chú trọng.

3. Với những kết quả nghiên cứu bước đầu, xin nêu *một số kiến nghị*:

a) Trước hết giải pháp tổng thể phải cân xứng, môi trường trong và ngoài trường đại học phải tạo điều kiện cho sinh viên tự khẳng định mình bằng các hoạt động của họ. Những kỹ sư, chuyên gia khi ra trường cần có đủ khả năng thích nghi với môi trường lao động sản xuất, công tác. Giáo dục dạy nghề phải đi đôi với dạy làm người để sinh viên có thể hòa nhập được trong cuộc sống cộng đồng trong từng bước phát triển của đất nước.

b) Giải pháp tổng thể phải nhằm vào những vấn đề bức thiết nhất của đời sống xã hội nói chung, cũng như của sinh viên, giáo viên đại học đó là việc làm và đời sống, dân chủ và công bằng xã hội.

Cần khắc phục tình trạng mở rộng tuyển sinh, đào tạo một cách ồ ạt. Trở thành sinh viên chỉ có thể có một chuẩn nhất định mở điểm chuẩn, (ở quy chế tuyển sinh, đào tạo) theo từng lĩnh vực ngành nghề, từng trường. Tránh tình trạng "mở rộng" như một "thành tích" của việc thực hiện 3 chương trình kinh tế, thương mại hóa nhà trường, cứ đóng tiền là thành sinh viên.

Tuyển chọn sinh viên phải có mức độ phù hợp với trình độ đào tạo, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí đầu tư. Đồng thời tăng cường giáo dục hướng nghiệp, đầu tư dạy kỹ thuật cơ bản, tổng hợp, dạy nghề phổ cập ở các trường phổ thông để tạo khả năng thích ứng lao động cho thanh niên học sinh. Nếu không vào được đại học thì họ vẫn có định hướng việc làm phù hợp khả năng của họ.

Hệ thống nhà trường đại học là hệ thống mở, làm cho nhà trường gắn liền với xã hội, thu hút nhiều nguồn lực tham gia xây dựng nhà trường. Khuyến khích các cơ sở sản xuất, các cơ quan "đặt hàng" đào tạo nhằm định hướng cho sinh viên thay trước nơi mình có thể làm việc nếu đủ trình độ, khả năng. Điều đó sẽ khuyến khích tính tích cực của cả người dạy và người học.